

# MỘT SỐ ĐIỂM QUAN TRỌNG TRONG KINH TÂM ĐỊA QUÁN

Lời nói đầu : Những người bên TIỂU THỪA cực lực phản đối Kinh ĐẠI THỪA. Họ cho rằng Kinh ĐẠI THỪA xuất hiện sau khi Đức Thích Ca nhập diệt cả 500 năm, do những Tổ ĐẠI THỪA bịa ra. Vì vậy, trong đó không phải là lời của Đức Thích Ca thuyết. Họ quên rằng Phật không phải là thần Linh, độc tôn, mà chỉ là Giải Thoát. Tất cả những ai hành đúng theo những gì Đức Thích Ca đã truyền lại thì đều đạt kết quả Giải Thoát như người đi trước. Vì vậy, Đức Thích Ca đã Thọ Ký : *“Ta là Phật đã thành. Tất cả chúng sinh là Phật sẽ thành”*.

Trong ĐẠI THỪA lại có việc Truyền Y bát. Có nghĩa là vị Thầy thấy học trò đã Thấy Tánh, đã Chứng Đắc, tức là đã đạt mục đích của Đạo Phật, thì ấn chứng cho người đó để họ tiếp tục rao giảng, mở mang Đạo, vì mục đích của Đạo Phật là tất cả mọi người đều được Giải Thoát, không còn bị ràng buộc trong Vô Minh, đau khổ nữa.

Người Đệ Tử đầu tiên được Truyền Y Bát đó là ngài Ca Diếp, các Tổ ở Ấn Độ lần lượt truyền nhau đến Tổ Thứ 28 là Tổ Đạt Ma.

Trước khi Truyền Y Bát cho Tổ Đạt Ma thì Tổ 27 là Đức Bát Nhã Đa La có căn dặn ngài là sau khi Tổ tịch diệt rồi thì nên

sang Trung Quốc để truyền hóa, vì thấy Khí Đại Thừa bên đó vượng.

Lúc đó ở Tây Thiên Trúc đã có khá nhiều Tông, Phái. Nào là hữu Tướng Tông, Vô Tướng Tông, Định Huệ Tông, Giới Hạnh Tông, Vô Đắc Tông, Tịch Tĩnh Tông. Tổ Đạt Ma đã đến gặp và thuyết phục tất cả họ quy y theo Đại Thừa.

Sau đó, nhớ tới cơ duyên hành hóa của Ngài với xứ Trung Hoa, nên Ngài đã dùng thuyền đi mất 3 năm mới qua tới Trung Quốc, nhằm triều Nhà Lương. Sau cuộc diện kiến với Vua Lương Võ Đế thì Tổ về Chùa Thiếu Lâm tại núi Trung Sơn ngồi day mặt vô vách suốt mấy năm, người xứ đó gọi Tổ là Bà La Môn tu Bích quán.

Sau đó Tổ Đạt Ma Truyền Y bát lại cho Thần Quang, đổi tên cho ngài là Huệ Khả, là Tổ đầu tiên người Trung Quốc. Ở Trung Quốc tính Tổ Đạt Ma là Sơ Tổ, Tổ Huệ Khả là Nhị Tổ. Sau đó Tổ Huệ Khả truyền cho Tổ Tăng Xán. Tổ Tăng Xán truyền Y Bát cho Tổ Đạo Tín rồi tới Tổ Hoằng Nhẫn và đến Tổ Huệ Năng là Tổ Thứ Sáu và cuối cùng của Trung Quốc, nhưng tính theo thứ tự bên Tây Thiên thì Ngài là Tổ Thứ 33 và cũng là Tổ cuối cùng, vì sau đó Tổ Huệ Năng dấu Y bát đi, không còn truyền nữa. Hiểu lịch sử Truyền Thừa của Đạo Phật để chúng ta không thắc mắc vì sao Đạo Phật được mở ra bên Ấn Độ mà lại có những Tổ người Trung Quốc.

Phía bên TIỂU THỪA không biết rằng Chư Tổ ĐẠI THỪA là những người chính thức được Truyền Thừa, tức là đã tu

hành Chứng Đắc, được giao cho sứ mạng giảng pháp để truyền bá Đạo Phật. Trong khi đó, người khai mở TIỂU THỪA là những Trưởng Lão. Ban đầu cũng tu theo ĐẠI THỪA, nhưng từ thời Tổ Thứ Ba, vì bất mãn nên bỏ ra tự thành lập TIỂU THỪA. Do đó, các Vị không phải là người Chứng Đắc, không được Truyền Thừa, lẽ ra không được quyền Giảng Pháp theo như Giáo Pháp chính thống của Đức Thích Ca.

Tu hành bên ĐẠI THỪA thì kết quả cuối cùng là THẤY TÁNH, THÀNH PHẬT, tức là đạt được kết quả Giải Thoát, và người đã đạt kết quả Giải Thoát thì “Phật trước Phật sau đều bình đẳng”. Trong khi đó, bên TIỂU THỪA thì Quả Vị cao nhất chỉ là A La Hán. Người đắc quả A La Hán do Thấy, Chứng được các Pháp là KHÔNG.

Cả Hai Thừa đều song song truyền bá Đạo Phật, nhưng do Chứng Đắc và chưa Chứng đắc nên cái Hiểu và thực hành có nhiều điểm khác nhau, dù cả hai bên đều giữ Giới, đều công nhận một số Pháp của Đạo Phật. Bên TIỂU THỪA cho là mình mới giữ nguyên lời Phật dạy, trong Khi ĐẠI THỪA thì có nhiều cải cách, làm cho người không tìm hiểu lịch sử phát triển Đạo Phật sẽ hoang mang mà quên rằng thời Đức Thích Ca thuyết pháp thì ngôn ngữ chưa đủ để diễn tả phần Vô Tướng, mà Đạo Phật nói về sự Giải Thoát là nằm ở nơi Tâm, tức là phần Vô Tướng nên rất khó diễn tả để người nghe hiểu, vì thế Đức Thích Ca đã phải dùng rất nhiều phương tiện

nên rất dễ gây ngộ nhận. Chính nhờ có sự kế thừa và phát huy của những Tổ về sau, một phần cũng nhờ ngôn ngữ phong phú hơn, mà Giáo Pháp lần lượt được khai sáng ngày một hoàn thiện hơn. Do đó, dù cách Phật đến mấy ngàn năm nhưng nếu chịu khó đọc những lời dạy của Kinh ĐẠI THỪA chúng ta cũng có thể hiểu và hành để đi đến kết quả Giải Thoát như Đức Thích Ca mong mỏi.

Sở dĩ tôi chọn quyển Kinh TÂM ĐỊA QUÁN này vì trong đó có hướng dẫn chi tiết cách thức Quán Soi, Thân, Tâm và những cách thức hành trì để chóng đạt Vô Thượng Bồ Đề, mỗi người tu Phật có thể qua đó để so sánh với những gì mình đang hành trì để bổ sung nếu muốn thực hiện đúng như lời Phật dạy.

Kính.

Tâm Nguyên.

Trước khi vào Kinh TÂM ĐỊA QUÁN

“Tu Phật là Tu Tâm”. Cái TÂM rất quan trọng trong Đạo Phật. Đức Thích Ca nhờ khám phá ra nó mà đắc đạo. Người tu Phật mà không biết đến nó là không bao giờ tu hành thành công được. Trong Cửa Thứ Hai của SÁU CỬA VÀO ĐỘNG THIẾU THẤT, Tổ Đạt Ma dạy :

Hỏi : “Nếu có người dốc lòng cầu đạo thì nên tu theo pháp nào mới là cực kỳ tinh yếu ?

Đáp : Chỉ một pháp Quán TÂM thâm nhiếp các pháp mới là cực kỳ tinh yếu.

Hỏi : Sao một pháp nhiếp trọn các pháp được ?

Đáp : Tâm là gốc muôn pháp. Tất cả pháp duy một Tâm sanh. Nếu hiểu được Tâm ắt muôn pháp sẵn đủ trong đó, cũng ví như cây lớn có đủ thứ cành nhánh trái bông, nhưng tất cả đều do một gốc sanh ra, nếu chặt gốc ắt cây chết.

Nếu hiểu Tâm tu đạo ắt được tinh lực, nên dễ thành. Không hiểu tâm mà tu đạo ắt nhọc công mà vô ích”.

Ngũ Tổ dạy : “Nếu không thấy Tâm thì học pháp vô ích”.

Kinh DUY MA CẬT viết : “Bồ Tát nếu muốn được cõi Phật thanh tịnh nên làm cho Tâm thanh tịnh; tùy chỗ Tâm thanh tịnh mà cõi Phật được thanh tịnh”.

ĐẠI THỪA KIM CANG KINH LUẬN viết : “Tất cả việc lành dữ đều do Tâm mình tạo ra. Tâm mình tu Thiện thì Thân mình an vui. Tâm mình làm ác thì Thân mình khổ não. Tâm là chủ của Thân. Thân là dụng của Tâm. Phật cũng do Tâm thành. Đạo do Tâm học. Đức do Tâm chứa. Công do Tâm tu. Phước do tạo, họa do Tâm làm. Tâm hay tạo ra Thiên Đường. Tâm hay làm ra Địa Ngục. Tâm làm ra Phật. Tâm hay làm ra chúng sanh. Cho nên Tâm chính thì thành Phật. Tâm tà thì thành ma. Tâm từ thì thành Trời. Tâm ác thì làm quỷ. Tâm là

*hột giống của tất cả tội, phước. Nếu người nào ngộ được Tự tâm, giữ được Định Tánh, tự chủ được tâm không làm Ác, thường hay bao lâu sẽ thành Phật.*

*Nếu có thiện nam tử, Thiện nữ nơn nào muốn cầu Phật đạo mà không rõ được Tự Tâm, người ấy chưa thể gọi là sẽ thành Phật. **Nếu người nào rõ được Tự Tâm, biết được tự Tánh, y theo lời Phật dạy mà tu hành người ấy quyết định sẽ thành Phật.***

Tổ Đạt Ma cũng dạy :

*“Ta vốn cầu Tâm chẳng cầu Phật*

*Rõ ra Ba Cõi không một vật*

*Ví muốn cầu Phật thà Cầu Tâm*

*Chỉ Tâm Tâm Tâm ấy tức Phật”.*

Nhưng Tâm là gì ? ở đâu ? làm sao Thấy được nó ? Tìm nó cách nào ? Đó là lý do tôi xin trích dẫn Kinh TÂM ĐỊA QUÁN, vì trong kinh nói về Đức Như Lai sẽ vì chúng sinh mà thuyết diệu pháp TÂM ĐỊA QUÁN MÔN mà: **“Các vị còn trong phàm phu địa, không quán tự Tâm, nên phải trôi giạt trong bể sinh tử. Chư Phật, Bồ Tát vì Quán được Tâm nên qua được bể sinh tử, đến bờ Niết Bàn”.** Pháp của Như Lai ba đời đều như thế.

Bắt đầu vào Kinh.

## PHẨM TỰA

Đầu tiên ta thấy PHẨM TỰA nói về sự vân tập của PHẬT, BỒ TÁT ở trong núi Kỳ Xà Quật tại Thành Vương Xá. Trong đó có ba vạn hai nghìn đại Tỳ Khưu đều là bậc A La Hán. Trong Kinh diễn tả số lượng người đủ mọi thành phần. Từ Bồ Tát đến Vua, Quan, nhân và phi nhân.. Điều này trên thực tế là không có, vì đó là giả lập những thành phần trong Nội tâm của người tu, trong đó gọi là “Phàm Thánh đồng cư”, tức là có đủ thứ tư tưởng, từ đã Giải Thoát cho đến hãy còn là những chúng sinh. Do đó, chúng ta không nên thắc mắc về những gì được mô tả. Điều chúng ta cần học hỏi nơi Phẩm này là những lời giải thích về Hạnh của những bậc tu hành. Thí dụ thế nào là bậc A La Hán. Đó là :”*Tâm thiện giải thoát. Tuệ thiện giải thoát, chỗ tạo tác đã xong. Bỏ mọi gánh nặng. Việc lời mình đã được. Hết mọi sự ràng buộc trong các cõi. Được đại tự tại, an trụ trong giới phẩm thanh tịnh. Phương tiện khéo léo. Trí tuệ trang nghiêm. Chứng được Tám pháp Giải Thoát, đến bờ Niết Bàn*”.

Tiếp đó chúng ta cũng được giải thích thế nào là Bồ Tát :

“Trăm phúc viên mãn, thân quang chói lợi như nghìn mặt trời làm quang đăng mọi tối tăm, trí tuệ lắng suốt, hơn cả biển lớn. Hiểu thấu cảnh giới bí mật của Chư Phật. Đốt đuốc Đại Pháp dẫn dắt chúng sinh. Làm bậc đại thuyền sư trong bể sinh tử, thương xót chúng sinh như con đỏ, thường bố thí cho chúng sinh những sự an vui trong hết thảy thời gian, tiếng khen đồn khắp mười phương thế giới. Thần thông vi diệu, tự tại du hí, đã thấu rõ được các môn Tổng trì, đủ bốn pháp biện tài vô ngại, tự tại. Đã viên mãn được đại nguyện tự tại. Đã chứng nhập được Tam muội tự tại, hoàn toàn viên mãn phúc đức tự tại. Thường là người bạn không phải thỉnh của chúng sanh. Trải qua vô lượng kiếp siêng tu Sáu Độ, phụng sự chư Phật khắp nơi. Không an trụ nơi Niết bàn, dứt mọi phiền não. Giảng thuyết diệu pháp trong vô lượng thế giới. Giáo hóa, đem lợi ích cho mọi loài. Ngăn mọi ngoại đạo, nên dẹp tâm tà, xa lìa nhân chấp đoạn, chấp thường, làm cho chúng sinh sinh ra chính kiến mà không còn có tướng dao động, lui tới. Không phải trang nghiêm mà là trang nghiêm cả mười phương cõi Phật. Không nói mà như nói ra diệu lý tịch diệt. Ở nơi vô sở trụ, độ cho chúng sanh trong Nhân, Thiên. Không ai là không lãnh thụ được những pháp màu vui vẻ, rộng lớn. Mặc áo giáp tinh tiến, cầm gươm trí tuệ, đánh vang trống pháp, phá bọn ma quân, thân thường thị hiện ngồi khắp trong hết thảy Đạo tràng. Thổi loa đại pháp, giác ngộ mọi loài, hết thảy hữu tình đều được nhờ lợi ích. Ai nghe thấy tên hiệu,

trông thấy sắc thân không đến nổi luống qua không ích gì mà được đầy đủ ba đại trí, ngộ được pháp của ba đời, biết rõ mọi căn linh lợi, ngu độn của chúng sinh. Tùy bệnh cho thuốc mà không còn nghi hoặc. Chia rải mây Đại Pháp rưới mưa cam lộ. Chuyển Trí Ấn Pháp Luân, không thoái chuyển. Đóng ngục Sinh Tử, mở cửa Niết bàn. Phát thệ nguyện rộng cho đến khi hết thuở vị lai, nguyện độ thoát mọi loài. Các vị Bồ Tát ấy không bao lâu sẽ được đạo quả Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác”.

Sự vân tập và hào quang của Phật nói lên là Phật sẽ vì chúng sinh mà thuyết diệu pháp TÂM ĐỊA QUÁN MÔN của Đại Thừa. “Đại chúng không nên cầu các phúc lạc trong Nhân Thiên mà nên cầu đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đây là sự hiển thị của Phật có ý thú rất sâu mà hết thầy Thanh Văn Duyên Giác ở trong thế gian dùng hết sức suy nghĩ đo lường cũng không thể biết được. **Các vị còn trong phàm phu địa, không quán tự Tâm, nên phải trôi giạt trong bể Sinh tử. Chư Phật, Bồ Tát vì quán được Tâm, nên qua được bể sinh tử, đến bờ Niết bàn. Pháp của Như Lai trong ba đời đều như thế”.**

Lược giải.

*Trước khi vào tu Phật chúng ta chưa từng nghe nói đến chữ Tâm, nên không hiểu đó là gì. Cứ thấy Thân hành động, tay cầm nắm, chân bước đi. Làm thiện hoặc làm ác. Giúp người hay hại người đều do cái Thân hành động thì cho rằng tất cả*

mọi việc là do Cái Thân làm. Không hề hiểu rằng có một phần vô hình, vô ảnh, linh hoạt ở trong cái Thân đã điều khiển mọi hành động của nó. Đạo Phật gọi đó là cái Tâm. Trong Kinh, Chư Tổ cũng nói : “Tâm là Chủ của Thân. Thân là Dụng của Tâm”, có nghĩa là mọi hành vi của Thân đều do Tâm điều khiển. Thân chỉ là vật hữu tướng để Tâm sai khiến mà thôi.

Chính vì vậy, khi vào tu Phật, muốn bỏ Ác, hành Thiện, muốn thành Thánh, thành Phật đều phải dựa vào cái Tâm, không khống chế cái Thân. Do đó, mà Đức Thích Ca không buộc người tu phải hành 13 Hạnh Đầu Đà, vì tu theo Hạnh này là chỉ tập trung khống chế cái Thân. Bắt nó phải chịu Khổ, hạn chế nó đủ thứ, từ cái ăn, mặc, nơi ở..tưởng như vậy là tu hành.

QUÁN tức là quán sát, soi xét, tìm hiểu. Trong Thiền có Thiền Minh Sát (Vipassana) đó là hành giả dùng thời gian tĩnh lặng để quán sát, tư duy, tìm hiểu vấn đề nào đó.

QUÁN CÁI TÂM là suy nghĩ, tìm hiểu về Cái Tâm, vì đối với mọi người, Tâm mà Phật đề cập, cho là quan trọng nhất, là một cái gì đó mơ hồ, thời xưa không đủ ngôn từ để diễn tả đến độ trong Kinh THỦ LĂNG NGHIÊM, Phật phải giải thích đến 7 lần thì Ngài A Nan mới hiểu. Thời nay thì chúng ta có thể hiểu dễ dàng : Đó là nơi xuất phát những tư tưởng, ý kiến của mỗi chúng ta để từ đó quyết định đưa ra hành động. Nhiều nơi trong Kinh diễn tả Tâm là Vua, các Ý là các con của Vua. Đúng hay sai, thiện hay Ác, tốt hay Xấu đều do

*quyết định của Tâm. Chính vì vậy người muốn tu sửa, chuyển đổi phải sửa đổi ngay nơi gốc, không ngăn chặn ở các hành vi. Nếu không chế được cái Tâm không cho nó nghĩ ác, thì không cần đến mấy trăm Giới cột buộc. Do đó mà “Tu Phật là Tu Tâm”. Người tu chỉ cần Tìm Tâm, Thấy được Tâm, sửa được Tâm hay Thấy Tánh thì mới có kết quả là Giải Thoát hay Thành Phật được vậy.*

## **II.- PHẨM BẢO ÂN**

Đức Phật bảo đại chúng là Ngài sắp diễn nói về TÂM ĐỊA DIỆU PHÁP để dẫn dắt chúng sinh, để họ chứng được Phật Trí. Diệu Pháp này rất khó gặp là vì hết thấy chúng sinh xa lìa hành nguyện của Đại Thừa Bồ tát, xu hướng về Bồ Đề của Duyên Giác, Thanh Văn, chán ngán sinh tử, mong nhập Niết Bàn mãi, chứ không thích diệu quả thường lạc của Đại Thừa. Nhưng Thanh Văn, Duyên Giác chưa được cảnh bất cộng tục tại của Bồ Tát, hướng là được đức bất cộng của Như Lai. Bởi nhân duyên ấy nên họ khó thấy, khó nghe được Tâm Địa Pháp Môn của chính đạo Bồ Đề. Nhưng nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào nghe được diệu pháp ấy qua tai một lần, trong khoảng chốc lát, họ nhiếp niệm quán Tâm được, là họ huân thành hạt giống Đại Bồ Đề Vô Thượng, không bao lâu sẽ ngồi trên thành báu kim cương, nơi cây Bồ Đề, được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lúc đó các Trưởng Giả nghe Đức Thế Tôn tán thán Đại Thừa Tâm Địa Pháp Môn liền nghĩ rằng : *“Chúng ta thấy Như Lai phóng hào quang sắc vàng hiện những sự khổ hạnh, khó làm của Bồ Tát, chúng ta không có tâm ưa thích làm hạnh Khổ hạnh. Ai lại trong nhiều kiếp ở nơi sinh tử vì chúng sinh chịu khổ não được”*. Nghĩ vậy, họ liền bạch Phật :

Bạch Đức Thế Tôn ! “Chúng tôi không ưa những hạnh của các Bồ Tát Đại Thừa, cũng không thích nghe những âm thanh khổ hạnh. Vì hết thấy hành nguyện tu hành của các Bồ tát đều không phải là những sự “Tri ân, báo ân” . Vì các vị ấy xa lìa cha mẹ, tới chỗ xuất gia, đem vợ con mình cho những người ham muốn. cho đến đầu, mắt, tủy, não đều bố thí cả. Trong ba vô số kiếp tu các pháp “Độ” tám vạn bốn nghìn hạnh Ba La Mật, vượt dòng sanh tử mới đến được nơi Bồ Đề đại an lạc, chẳng bằng xu hướng về đạo quả Thanh Văn, Duyên Giác chỉ độ ba đời hay trăm kiếp tu tập tư lương, dứt được nhân sinh tử, chứng quả Niết Bàn, chóng đến nơi yên vui, như thế mới gọi là Báo Ân”.

Phật bảo : Các ông nghe tôi tán thán Đại Thừa sinh tâm thoái chuyển, nhưng lại phát khởi ý nghĩa nhiệm màu để đem lại lợi ích an lạc cho hết thảy chúng sinh, không biết ân đức trong đời mai sau. Nghe cho kỹ, tôi sẽ phân biệt diễn nói những chỗ có ơn của thế gian và xuất thế gian.

Ơn của thế gian và xuất thế gian có bốn bậc : Một là Ơn cha mẹ. Hai là Ơn Chúng sinh. Ba là Ơn Quốc vương. Bốn là Ơn Tam Bảo.

ƠN CHA MẸ : Cha có Từ Ân, Mẹ có Bi Ân. Giả sử có người vì việc phúc đức, cung kính, cùng dường một trăm vị Đại Bà La Môn tịnh hạnh, một trăm vị đại Thần Tiên được năm pháp Thần Thông, một trăm người bạn lành. Xếp đặt cho các vị ấy ở yên trong nhà thất bảo rất đẹp. Đem trăm nghìn thứ đồ ăn ngon quý, y phục bằng mọi thứ báu tua rủ, các chuỗi ngọc. Dựng các phòng xá bằng gỗ chiên đàn, trầm hương. Chăn gối, giường nằm trang nghiêm bằng trăm báu, cùng trăm, thứ thuốc thang chữa khỏi các bệnh và nhất tâm cúng dàng trọng trăm nghìn kiếp cũng không bằng một niệm để tâm hiếu thuận, đem chút vật nuôi nấng sắc thân bi mẫu. Và theo chỗ cúng dàng, hầu hạ ấy, đem so sánh với công đức trước thời đến trăm nghìn vạn phần cũng không thể nào xét lường kịp.

Phật kể về ơn của mẹ : Từ khi mang thai chịu bao nhiêu đau khổ, rồi đến khi sinh con, trông nom, giữ gìn, nuôi nấng, cho bú mớm, chỉnh sửa, giáo hóa cho con, dạy con xa lìa điều ác và còn mang gia nghiệp giao lại cho con, vì thế hiếu dưỡng phụ mẫu cũng như cúng Phật, phước báo bằng nhau.

Nói về ƠN CHÚNG SINH : Hết thầy chúng sinh từ vô thủy đến nay luân chuyển trong Năm đường : Thiên, Nhân, Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh, thường làm cha mẹ lẫn nhau. Ơn đó khó trả cho hết. Vì thế không nên oán hại nhau.

ƠN QUỐC VƯƠNG : Người có đủ phúc đức mới được làm Quốc Vương. Vị ấy đặt ra pháp luật trị nước, đem lại sự yên vui cho nhân dân, làm cho đất nước không bị nước ngoài xâm bực, những sự phán nghịch, tật bệnh, mưa gió trái thời, Nếu Quốc vương không đem chánh pháp giáo hóa dân thì bị nước ngoài xâm bực, ác quỷ bệnh tật đất nước đói thiếu, gió mưa trái thời, nhật thực, nguyệt thực và tinh tú biến quái. Nhân vương như ông trưởng giả chỉ có một con nên yêu mến thương xót, muốn cho con được yên vui, vì thế nhân dân cũng ủng hộ, hay khiến nhân dân tu Thập thiện nên gọi là Phúc Đức Vương. Nếu vị nào làm lợi cho dân thì trong nước, người tu thiện được bảy phần phúc thì người đó được hưởng 5 phần, Quốc vương được 2 phần. Nếu tạo nghiệp ác cũng thế. Nếu thấy nhân dân trong nước tạo nghiệp ác thì Chư Thiên, Chư Thần đều xa lánh. Ngược lại, nếu vua tôi đều làm việc thiện thì chư Thiên, thậm chí các nước láng giềng đều khen ngợi, đất nước được an ổn, thịnh vượng.

ƠN TAM BẢO : Tam Bảo luôn đem lợi lạc cho chúng sinh, không bao giờ dừng nghỉ.

Thân Chư Phật là chân thiện, vô lậu, do tu chứng trong vô số đại kiếp mà chứng được. Dứt nghiệp hết quả trong ba cõi, trí tuệ vô ngại như hư không, thần thông biến hóa tràn đầy thế gian, ánh sáng soi khắp mười phương, ba đời.

Hết thấy chúng sinh bị phiền não, nghiệp chướng che ngăn nên phải chìm đắm trong bể khổ sinh tử. Tam Bảo làm đại

Thuyền Sư, ngăn chặn giòong ái dục để chúng sinh vượt lên bờ Niết Bàn.

Kinh giải thích về Phật Bảo, Pháp Bảo và Tăng Bảo.

Phật Bảo đầy đủ ba thân. Một là Tự Tính Thân. Hai là Thụ dụng thân. Ba là Biến Hóa Thân.

Pháp Bảo có bốn loại : Một là Giáo Pháp. Hai là Lý Pháp. Ba là Hành Pháp. Bốn là Quả pháp. Tất cả những tiếng, danh, câu, chữ thuộc pháp vô lậu, phá tan Vô Minh, phiền não, nghiệp chướng, gọi là Giáo Pháp. Các Pháp hữu vi, vô vi gọi là Lý Pháp. Giới, Định Tuệ hạnh gọi là Hành Pháp. Diệu quả vô vi gọi là Quả pháp. Bốn pháp như thế là PHÁP BẢO dẫn dắt chúng sinh ra khỏi Sinh Tử, đến bờ Niết Bàn.

Thế gian, Xuất thế gian có ba hạng Tăng : Một là Bồ Tát Tăng. Hai là Thanh Văn Tăng. Ba là Phàm phu Tăng. Ba hạng Tăng như thế gọi là Chân Phúc điền Tăng.

Về lý do Phật, Pháp, Tăng được gọi là BẢO thì Phật giải thích cho chúng hội như sau : Vì đem lại lợi ích cho chúng sinh, không dừng nghỉ.

Phật nói về Bốn Ơn của thế gian và xuất thế gian và nói rằng Tu hạnh Bồ tát là phải trả Bốn Ơn đó bằng cách tu Ba Bậc của Mười Pháp Ba La Mật, phát khởi Tâm Vô Thượng Bồ Đề, trụ nơi Vô Sở Đắc, khuyên các chúng sinh đồng phát Tâm ấy, làm cho họ hướng về Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, nối tiếp hạt giống Tam Bảo không đoạn tuyệt. Bởi nhân duyên ấy nên gọi là Báo Ân.

Lược giải : Người tu Phật được dẫn dò sau khi tu xong cho mình thì phải đền TỨ ÂN. Đó là Ân Phụ Mẫu, Ân Đất nước, Ân Tam Bảo, Ân Chúng sinh, vì đó là những người sinh ra, dưỡng dục, giáo hóa, gìn giữ an ninh cho mình được sống yên ổn. Về Ân Chúng Sinh thì Phật dạy : Mỗi người chúng ta từng trải qua rất nhiều đời, nhiều kiếp, làm cha mẹ cũng như làm con của biết bao nhiêu người. Sau đó, có thể vì tạo nghiệp mà họ đọa vào các đường. Vì thế, nên kính trọng và không làm hại tất cả. Chúng sinh hiện đời là tất cả những con người, hoàn cảnh chung quanh đã giúp đỡ, tạo điều kiện cho mình được bình an mà lớn lên, trưởng thành.

Như thế, ta thấy, những người bỏ đời để Vô Chùa. Bỏ cha mẹ già bơ vơ không nơi nương tựa. Sống tách biệt với thế nhân. Không làm gì để giúp đời, giúp người khác để trả ân, thì không phải là người làm đúng theo lời Phật dạy. Tu học Phật không phải là để bỏ đời, mà chỉ bỏ những tính xấu, tính ác, tập làm một con người tốt với các đức Từ, Bi, Hỉ Xả để tiếp tục sống trong đời mà không còn bị cảnh Khổ của đời vùi dập, được hạnh phúc an vui, gọi là Thoát Khổ. Cái Thoát Khổ này không chỉ thân hiện kiếp được hưởng, mà nhờ ý thức Nhân Quả nên không tạo Ác Nghiệp, trái lại tạo Thiện nghiệp, nên kiếp sau nếu có, thì càng được đến cảnh giới tốt đẹp hơn. Nếu làm con người thì cũng là con người thanh cao, hưởng phúc, không phải nhờ Phật ban cho, mà do những gì đã gây tạo vậy.

### III.- PHẨM YẾM XẢ

Bấy giờ Trưởng Giả Trí Quang bạch Phật : Bạch Đức Thế Tôn. Tôi nay theo Phật, nghe được điệp pháp Báo Ân rất sâu, trong lòng hớn hờ. Rất mong được đền trả Bốn Ân, theo Phật, Pháp, Tăng, xuất gia tu đạo, thường tinh tiến, mong chứng Bồ Đề.

Ông kể về Ngài Duy Ma Cật : “Lấy Tâm thanh tịnh làm gốc Thiện Nghiệp, lấy Tâm bất thiện làm gốc Ác Nghiệp. Tâm thanh tịnh thế giới thanh tịnh. Tâm tạp uế thế giới tạp uế. Trong Phật Pháp lấy Tâm làm chủ. Hết thấy mọi pháp đều do Tâm. Nay ông là người tại gia có phúc đức lớn, mọi thứ châu báu chuỗi ngọc đầy đủ. Họ hàng trai gái an ổn khoái lạc, lại thành tựu chánh kiến. Không bán Tam Bảo, biết đem Tâm hiếu dưỡng cung kính tôn thân. Khởi Tâm Đại Từ Bi cấp cho kẻ cô độc và cho đến con sâu, cái kiến cũng không làm hại. Ông lấy Nhẫn Nhục làm áo mặc, Từ Bi làm nhà ở. Tôn kính bậc có đức, Tâm không kiêu mạn. Ông thương xót thiết tha cũng như con. Không tham tài lợi, thường tu thiện xả, cúng dàng Tam Bảo Tâm không biết chán đủ. Vì pháp bỏ mình không tiếc. **Người bạch y như thế tuy không Xuất Gia nhưng đã đầy đủ vô lượng, vô biên công đức. Đời sau ông đầy đủ muôn vạn hạnh, vượt trên Ba Cõi, chứng Đại Bồ Đề. Tâm sở tu của ông tức là chân Sa Môn, là chân Tỳ Kheo, là chân Xuất Gia. Người như thế là “Tại gia xuất gia”.**

Phật dạy : “Vào bể Phật Pháp “Tín” là căn bản vượt qua sông Sinh Tử. “Giới” là thuyền bè. Nếu người Xuất Gia không giữ Giới Cấm, tham trước khoái lạc ở đời. Hủy Giới quý báu của Phật, hoặc mất chính kiến, vào rừng tà kiến, hoặc dẫn vô lượng người rơi xuống hố sâu lớn. Tỳ Kheo như thế không gọi là Xuất Gia, chẳng phải Sa Môn, chẳng phải Bà La Môn. Hình tựa Sa Môn, Tâm thường tại gia. Sa Môn như thế không có Hạnh viễn ly.

Hạnh Viễn Ly có hai thứ : Một là Thân Viễn Ly. Hai là Tâm viễn ly.

Thân viễn ly như người xuất gia Thân ở nơi không nhàn, không nhiễm dục cảnh là Thân Viễn Ly. Thân tuy xa lìa thế tục nhưng tham tham dục cảnh. Người như thế không gọi là viễn ly được. Như tịnh tín nam và tịnh tín nữ, thân ở nơi làng xóm, phát tâm Vô Thượng, lấy Tâm Đại Từ Bi đem lại lợi ích cho hết thảy. Tu hành như thế là “Chân viễn ly”.

Có hai hàng Bồ Tát. Bồ Tát xuất gia và Bồ Tát tại gia.

NHÀ tức là nói về cái Thân ngũ Uẩn, mà chủ căn nhà ấy là BẢN THỨC của mỗi người. Ai có trí tuệ lại ưa căn nhà Hữu Vi ấy.

Bồ Tát xuất gia xem nhà cửa thế gian cũng như đá lửa sinh lo. Chỉ có chút lửa có thể đốt cháy. Tâm tham nuốn tìm cầu rong ruổi chạy khắp bốn phương, tìm mãi không chán. Thế nên nhà cửa thế gian sinh ra vô lượng lửa phiền não, vì khởi Tâm Tham, thường không tri túc. Cửa báu thế gian cũng như

cổ cây, Tâm tham dục như nhà cửa thế gian. Bởi nhân duyên ấy, hết thầy chư Phật thường nói : “Ba cõi là Nhà Lửa”. Bồ Tát Xuất gia hay tại gia quán như thế chán lìa thế gian là “Chân Xuất Gia”.

Trưởng giả Trí Quang bạch Phật xin chỉ dạy Quán môn nào mới đẹp được vọng tưởng ?

Phật dạy : Nên tu tập “Vọng Tưởng Chính Quán”. Song chỉ cần thấy thực tính chứ không cần thấy thực tướng. Nếu có Phật Tử nào an trụ nơi chánh niệm, quán sát như thế, tu tập “Vô Vi” trong thời gian dài thì gió của vọng tưởng vắng bật, không còn rung động nữa thời Thánh Trí do nơi quán sát hiện tiền mà chứng lý viên thành.

Lại nữa. Bồ tát Xuất Gia quán nhà cửa thế gian hết thầy đều là chỗ sinh ra phiền não. Đem các báo vật mà trang nghiêm cho căn nhà xong rồi nghĩ rằng nhà của mình tốt đẹp hơn của người khác. Do chấp trước như vậy sinh ra phiền não. Do phiền não chấp Ngã, Ngã sở mà tám vạn bốn nghìn trần lao đua nhau khởi dậy. Phàm phu tại gia tham trước nhiều về ngũ dục, vợ con, họ hàng, tôi trai, tớ gái, người hầu, bởi nhân duyên ấy sinh ra Sinh Lão Bệnh Tử, lo buồn khổ não, oán ghét hội họp, ân ái biệt ly, nghèo cùng và mọi sự suy vi. Cầu không được, Khổ. Hết thầy của báu đều do tìm tòi là gốc, **nếu diệt được Tâm Tìm Tòi thì vô lượng phiền não đều dứt.**

Lược giải : Phẩm này nói về hạnh tu của Cư Sĩ Duy Ma cật. Ông là cư sĩ, nhưng biết tu Tâm, thành tựu Chánh Kiến, hiếu dưỡng phụ mẫu, có đủ hạnh Từ, Bi, Hỷ, Xả, không Tham, Sân, Si, lại giúp đỡ mọi người. Người Cư sĩ như thế là Chân Sa Môn, Chân Tỳ Kheo, Chân Xuất Gia. Như thế gọi là “Tại gia xuất gia”.

Kinh cũng nhấn mạnh về GIỚI. Nếu người tu hành mà không giữ Cấm Giới thì không phải là Sa Môn. Hình tựa Sa Môn nhưng Tâm tại gia. Thân tuy xa lìa thế gian, nhưng tham dục cảnh thì không thể gọi là viễn ly được. Muốn tu hành thì phải lìa cái tâm tham cầu thì mới hết phiền não. Người tu hành muốn dẹp được Vọng Tưởng thì phải quán sát Thân, Tâm và các Pháp. Chính vì có Thân, có Tâm, nên chấp Ta và những gì Ta sở hữu. Chính cái Tâm Tìm Tòì dắt người tu tạo Nghiệp để từ đó Nghiệp lại tạo người nên phải chịu mọi cảnh Khổ. Nếu diệt được cái Tâm Tìm Tòì thì mới kết thúc phiền não.

#### **IV.- PHẨM VÔ CẦU TÍNH.**

Khi các Trưởng giả đã Xuất Gia rồi thì các vị xin Phật nói về công đức thù thắng nên an trụ thế nào ? Tu Tập nghiệp Vô Cầu thế nào ? Nên điều phục Tâm hữu lậu thế nào ?

Phật dạy : Bồ tát xuất gia an trụ Tâm như thế thời thường quán như thế này : ‘Ta được thân người, các Căn đầy đủ, vậy ta từ nơi nào mất đi mà sinh lại vào thế gian này ? Ta ở trong ba cõi rồi sẽ sinh vào cõi nào ? Trong bốn đại châu ta sẽ sinh vào Châu nào ? Trong Sáu đường ta sẽ sinh vào đường

nào ? Bởi nhân duyên gì ta bỏ được cha, mẹ, vợ, con, họ hàng xuất gia tu đạo, thân khỏi vướng tám nạn ? Trong thân ta có nghiệp thiện gì ? Học Giới, Định, Tuệ sẽ có đức gì ? Chư Phật quá khứ đều đã chẳng gặp. Thế Tôn đương lai liệu được thấy chăng ? Ta nay hiện ở trong các nơi phàm phu, vậy ba nghiệp phiền não gì là nặng hơn ? Nhất sinh trở lại ta tạo nghiệp gì ? Thân mệnh ta đây được bao nhiêu thời ? Ngày này đã qua, mệnh theo giảm bớt, cũng như người dắt dê tới chỗ mổ xẻ, dần dần đến chỗ chết, không còn nơi nào trốn tránh. Vậy khi thân hoại, mệnh hết sẽ sinh vào nơi nào ? Khổ trong ba đường ác làm sao thoát được ? Thân ta đây ta yêu thích và nuôi nấng cho nó hơn lên, nhưng từng niệm nó suy, già đi, không có thời nào tạm dừng, vậy ai là người có trí huệ lại yêu thích thân này ?

Bồ Tát xuất gia ngày đêm thường quán sát như thế, đừng tham hưởng năm dục lạc của thế gian. Cần tinh siêng tu tập như cần phải bỏ đá nặng nơi đỉnh đầu, gỡ lửa cháy trên đầu. Tâm thường sám hối những tội của quá khứ. An trụ vào bốn vô cấu tính, một lòng tu hành mười hai hạnh Đầu Đà, điều phục Tâm mình như bọn Chiên đà la. Phât tử như thế gọi là xuất gia.

Thế nào là chân thực tu hành Sa Môn như Chiên đà la ?

Vì người Chiên đà la khi du hành tay cầm cây tích trượng, không dám đi giữa đường, nếu có người đi gần sát tới mình thì trung gậy tích trượng cho người ta nghe thấy tránh đi. Ở

trong đại chúng thì họ nhúng nhường, không dám khinh mạn. Khi bị người quở trách tâm không oán hận và chưa từng báo thù lại. Ngay đến bị sỉ nhục, đánh đập cũng im lặng chịu đựng.

Bồ Tát xuất gia cũng như thế. Cạo bỏ râu tóc, hình dáng cũng như đứa trẻ thơ. Tay cầm giữ bình bát, nương tựa vào người để nuôi sống thân mệnh. Thân mặc áo cà sa như mặc giáp trụ, cầm gậy tích đi như cầm giáo mác, cầm gương trí tuệ phá giấc phiền não, tu hành như đứa trẻ thơ, làm lợi ích cho hết thảy. Thế nên hết thảy tên nhon Tham, Sân, Si không thể vào thân bậc Sa Môn chân thực được. Bồ Tát xuất gia dùng ba môn quán, tu hành Nhẫn Nhục là chân xuất gia.

Quán các chúng sinh là hóa thân của Phật. Quán nơi thân mình là ngu phu thực. Quán các hữu tình khởi ra tưởng là bậc tôn quý. Quán nơi thân mình khởi ra tư tưởng là hàng tôi tớ, lại quán chúng sinh khởi ra tưởng coi chúng sinh như cha mẹ. Quán nơi thân mình khởi ra tưởng coi mình như con trai, con gái. Bồ Tát xuất gia thường làm những quán ấy, hoặc bị người đánh mắng hoàn toàn không báo thù lại mà chỉ tìm phương tiện khéo léo để điều phục Tâm mình.

### Thế nào là Bốn Vô Cấu tính ?

Là quần áo, đồ nằm, thức ăn nóng và thuốc men. Bốn món như thế tuy theo chỗ có được hoặc xấu hoặc tốt cũng vừa lòng, xa lìa hẳn Tâm tham cầu.

## Do nhân duyên gì bốn hạnh như thế gọi là Vô Cầu Tính ?

Vì ba mươi bảy Phẩm Bồ Đề Phận pháp của chư Phật Như Lai đều từ đây phát sinh và Phật, Pháp, Tăng Bảo do đó mà thường không bị đoạn tuyệt nên gọi là Vô Cầu Tính.

Bậc tu hành không nên tham trước về y phục, vì phạm phu chính vì y phục mà tham cầu phi pháp, tạo nghiệp bất thiện để phải đọa vào đường ác. Cà Sa là cờ báu của Nhân, Thiên, diệt được mọi tội, sinh phúc đức. Nhuộm thành hoại sắc là để xa lìa Năm Dục tưởng, Tâm Tham Ái, dứt hẳn phiền não.

## Hạnh Khất Thực có 10 lợi ích.

Đi khất thực để nuôi thân, được tự do, không lệ thuộc người khác. Hai là khi đi khất thực nói diệu pháp cho người ta nghe khiến họ khởi tâm thiện. Ba là những người không biết bố thí nói chánh pháp cho họ nghe khiến họ khởi tâm xả thí. Bốn là tăng trưởng giới phẩm, phúc đức, trí tuệ. Năm là diệt được lòng kiêu mạn. Sáu là được tướng Vô Kiến Đỉnh của Như Lai, làm lợi ích cho chúng sinh. Chín là không vì cầu ăn uống, không phân biệt giàu nghèo. Mười là đi khất thực chư Phật hoan hỷ.

Với thuốc men cũng không nên tham đắm. Nên xa lìa chỗ huyên náo, nhiếp Tâm mình, ở nơi không nhàn, vắng lặng.

Lược giải : *Người tu nếu muốn chóng Giải Thoát thì phải luôn quán sát về cái Thân của mình, vì giải thoát hay ràng buộc cũng do nơi Lục Căn. Nếu chúng ta khoác áo Cà Sa nhưng không quán sát Thân, Tâm. Sống không biết để làm gì ? Chết*

*không biết đi về đâu ? không biết cái Thân là Vô Thường, lại đắm nhiễm nó, chịu theo sự đòi hỏi của nó thì chưa thể thoát khỏi sự ràng buộc với nó được. Chính vì vậy mà người tu cần phải thường xuyên nhiếp niệm tư duy, quán sát. Cuộc sống phải giữ Giới để có sức Định rồi tư duy để sinh Trí Huệ, để nhờ đó hướng dẫn con đường Giải Thoát.*

#### V.- PHẨM A LAN NHÃ

Lược giải : A Lan Nhã cũng là Bồ Đề Đạo Tràng. Thời xưa muốn tu hành thì phải vào rừng cho thanh tịnh, ở đó cho đến khi tu thành công. Nhưng về sau này khi chúng ta đã nắm được yếu chỉ của việc tu hành thì nơi ở không còn quan trọng, mà như Kinh DIỆU PHÁP LIÊN HOA viết : *“Hoặc chỗ có quyền Kinh, hoặc trong vườn, hoặc trong rừng, hoặc dưới cây, hoặc Tăng Phườn, hoặc Nhà bạch y, hoặc ở điện đường hoặc núi hang, đồng trống, trong đó đều nên dựng tháp cúng dường.*

*Phải biết chỗ đó chính là Đạo Tràng, các đức Phật ở đây mà đặng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, các Đức Phật ở đây mà chuyển Pháp Luân. Các Đức Phật ở đây mà nhập Niết Bàn. **“Chỗ đó” chính là “thọ trì đọc tụng, giải nói biên chép, đúng như lời tu hành”.***

#### VI.- PHẨM LY THỂ GIAN.

Kinh viết “ Bồ Tát xuất gia ở A Lan Nhã thường suy nghĩ hết thấy thế gian có nhiều sự sợ hãi, Bồ Tát xuất gia vì chán những sự sợ hãi nên lìa bỏ cha mẹ cùng quyền thuộc để tu

hành viễn ly. Có Bồ Tát nghĩ rằng Ngã là sợ hãi, vì hết thấy phiền não từ Ngã mà ra. Có Bồ Tát thấy Ngã Sở là sợ hãi. Có Bồ Tát lấy Ba Độc (Tham, Sân Si) làm sợ hãi, vì tạo ra vô lượng tội phải đọa vào các đường ác. Hoặc có Bồ tát lấy Ngũ dục làm sợ hãi, vì đắm vào sự vui thể tục phải đọa vào tám nạn. Hoặc lấy tham nhiều của cải, làm sợ hãi vì thường tìm, tích góp lại, sinh tham trước bởi nhân duyên ấy mà sau khi chết phải đọa vào địa ngục chịu khổ, hết địa ngục xong qua Ngạ quỷ chịu đói khát, hết nghiệp đó, sinh vào nhân gian thì nghèo cùng, hèn hạ. Do đó, Bồ Tát biết Nhân Quả phân minh nên sinh tâm sợ hãi, muốn cầu Giải Thoát. Có Bồ Tát lấy tâm Khát Ái làm sợ hãi, lấy ngã sở, ngã kiến, nghi hoặc, thường kiến, đoạn kiến, vô tâm, vô quý, giận tức, sân hận, oán ghét, nghiệp đen tối, bất thiện, phiền não, phá Giới, tâm tạo tác, bạn ác, tử ma, thiên ma, tà kiến..v.v.. làm sợ hãi để phát tâm cầu Giải Thoát. Tùy theo căn khí mà nhiếp niệm thân tâm ở nơi A Lan Nhã, điều phục vọng tưởng để vĩnh viễn không sợ hãi, sinh cứu cánh Giải Thoát.

Bồ Tát Xuất Gia ở nơi A Lan Nhã nên làm nghiệp gì ? Nên làm những niệm gì ?

Ngày đêm thường suy nghĩ như thế này : “Hết thấy sự sợ hãi của thế gian đều từ “Ngã” sinh ra, vì do chấp trước từ “Ngã ái” sinh ra. Nếu ta ở nơi A Lan Nhã không lìa bỏ sự chấp trước về Ngã, Ngã Ái thà trở về ở nhà bạch y còn hơn. Đại Bồ Tát quán sát thân tâm mình như cây khô, tường, vách,

ngói, sỏi.. không khác các pháp. Thân Tâm ta cũng như huyền mộng, không thực, từng niệm già suy, hơi thở ra rồi không vào được nữa. Lúc đó do nhân Thiện, Ác mà theo nghiệp, chịu báo. Thân này Vô thường, chóng khởi, chóng diệt. Thân này hư giả, quyết không tồn tại lâu được. Như thế trong Thân không có ngã, ngã sở, không có hữu tình, không có mệnh, không có nhân, không có tác nghiệp, không có hữu kiến.. Niệm niệm thường nên thực hành pháp quán như thế thì hết thấy sợ hãi đều được giải thoát.

Ngày đêm quán soi như thế và tu vô lượng Đại Từ Tâm, Đại Bi Tâm, Ý vô lượng, Xả vô lượng, chứng được Sáu Căn thanh tịnh, thiên nhĩ thông, sinh tử trí minh, thần cảnh, tha tâm thông, tăng trưởng Bồ Đề phần, tăng trưởng thiện pháp.

Lược giải : *Lược Giải : Dù Bồ Tát xuất gia tu hành vì nhiều lý do. Nhưng tất cả đều do sợ Khổ, sợ Sinh Tử. Tất cả những nỗi lo sợ đều xuất phát từ cái Ta mà ra. Phẩm này hướng dẫn chi tiết cách thức để Quán Thân để thấy tất cả đều do Ngã và Ngã Ái. Vì vậy phải quán sát Cái Thân. Thấy nó như cây khô, như tường vách, ngói. Nhìn bề ngoài thấy nó có vẻ bền chắc nhưng sự thật là chỉ cần một làn gió độc, một viên đạn, một cục máu đông chạy vào tim, vào não là có thể chết ngay. Trong Thân lại chứa những thứ bất tịnh, hôi nhơ, cộng với những thứ bệnh luôn đe dọa, dù có tắm rửa, cho nó bằng những thức ăn quý nhất hay cho nó mặc quần áo tốt đẹp nhất, đeo những món trang sức quý giá nhất, thì khi hết*

*duyên, hết nghiệp nó cũng rời bỏ ta mà đi. Lúc đó Tâm sẽ theo Nhân Thiện, Ác đã làm mà lãnh nghiệp báo. Thực hành Quán sát sẽ hết sợ hãi, và nên tu Đại Từ, Đại Bi, Đại Hỷ, Đại Xả để tăng trưởng thiện pháp.*

## VII.- PHẪM YẾM THÂN.

Lúc bấy giờ Bồ Tát Di Lặc bạch Phật :

“Chúng tôi đã ngộ được việc Đại Bồ tát xuất gia, chán bỏ thế gian, tu hạnh Vô Cấu. Song Bồ Tát ấy ở nơi không nhân, tự thân mình nên làm Pháp Quán gì ?

Phật dạy : Bồ Tát xuất gia ở nơi A Lan Nhã, khi cầu vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác , trong lúc đi, đứng, ngồi, nằm nên quán sát tỷ mỷ :

\* Thân hữu lậu này có ba mươi bảy thứ bất tịnh, uế ác, là thứ không đáng yêu , không bền chắc. Cũng như đồ gốm, bên ngoài dùng màu sắc tô vẽ, nhưng bên trong đầy phân uế, mọi thứ bất tịnh lấp nhét đầy, rồi hai vai mang đồ ấy đi. Có sáu con rắn đen luôn ở bên trong, một con cựa quậy thì liền vỡ nát, sự độc hại, hôi nheo tóe ra, không ai chịu được. Người thế gian trang nghiêm thân mình như đồ vẽ màu đựng những thứ bất tịnh. Ba món Tham, Sân, Si là Tâm bệnh. Bệnh phong hàn, hoả nhiệt, đàm ẩm là Thân bệnh. Trong, ngoài, sáu bệnh làm hại Thân, Tâm như sáu con rắn ở trong thân, một con cựa quậy liền vỡ nát do đó Thân này là Vô Thường. Quán sát như thế gọi là Bất Tịnh Quán Tướng thứ nhất.

\* Lại quán sát thân mình như tổ kiến, là nơi ở của nhiều con kiến trong đó. Một hôm có con voi trắng đến, cọ mình vào tổ, tổ liền vỡ tan. Tổ ấy là Thân Ngũ Uẩn, voi trắng là sứ giả Diêm ma la. Thân hướng về đời sau như voi trắng phá tổ kiến.

\* Bồ tát xuất gia lại quán sát thân mình từ đầu, chân, da, thịt, xương, tủy cùng hòa hợp mà thành, cũng như cây chuối, không có thực. Lại quán thân mình không có sức mạnh. Da, thịt mỏng che phủ, như vữa trát tường, ước vụn lông tóc như cỏ mọc trên đất, chút gió nhẹ ra vào lỗ chân lông, từng sát na sự suy bại luôn luôn chuyển. Lại quán sát thân mình như nuôi rắn độc mà vờ lấy hại. Tuy đem thức ăn, quần áo, nuôi cho lớn mà nó không biết ơn, lại làm cho mình phải đọa vào đường ác.

\* Bồ Tát xuất gia lại quán thân mình như kẻ thù giả làm bạn thân, chờ lúc thuận tiện đem thuốc độc làm cho mệnh căn kia chết. Thân mình như bọt nước, tuy coi đẹp đẽ nhưng duyên khởi diệt không thường, không tồn tại lâu.

\* Bồ Tát xuất gia lại quán thân mình như bọt nước, tuy coi đẹp đẽ như sắc ngọc lưu ly, nhưng trong sát na, nhân duyên khởi diệt không thường. Vì nó là hữu vi nên không ở lâu được. Lại quán thân mình như ảnh tượng, tuy có, nhưng chẳng phải thực. Lại quán thân mình ví như giấc oán cuồng thịnh của nước ngoài. Nay thân ta cũng như thế, giấc phiền não xâm lược thiện căn của ta. Lại quán thân mình như nhà

nát, tuy cố gắng sửa sang, nhưng quyết sẽ hỏng, nát. Thân ta cũng thế. Tuy cố gắng yêu mến nó, nhớ nghĩ đến nó, nhưng nó quyết sẽ Vô Thường.

\* Lại quán thân mình như ở gần nước phán dịch. Nhân dân thành ấp ấy thường mang lòng sợ hãi. Nay thân ta cũng thế, trong từng niệm niệm sợ giặc Vô Thường. Lại quán thân mình như rất nhiều củi bị lửa đốt cháy. Thân ta cũng thế. Lấy lửa Tham Ái, đốt củi ngũ dục, Tâm càng tăng trưởng thêm cũng như thế. Lại quán thân mình như con mới đẻ, từ mẫu thương xót luôn luôn gắng công săn sóc, giữ gìn. Thân ta cũng thế. Nếu không gìn giữ, thân tâm bị bệnh thì không thể tu chứng được. Lại quán nơi Thân mình cũng như ác tặc. Vì nó là chỗ ở của tám vạn bốn nghìn con trùng. Là chỗ Vô thường, vì hơi thở ra không trở lại được, tức là Vô Thường. Thân này thường không được tự tại vì bị đoạn kiến, thường kiến ràng buộc. Thân này như cây chết, vì đối với ngày đêm tiếp nối đi gần đến diệt hoại. Thân này là chỗ nương của Khổ, vì hết thấy mọi Khổ y vào Thân mà có. Thân này cũng như thuyền buồm, nếu không có Thuyền Sư thì bị trôi giạt. Tuy vậy, Thân này cũng như xe lớn vận tải của báu, vì nhờ ngồi trên xe ĐẠI THỪA đến được Bồ Đề. Vì vậy, Bồ tát ngày đêm quán sát, cần mến tiếc thân này, vì còn muốn làm cho chúng sinh ra khỏi bể sinh tử, đến bờ Niết bàn.

*Lược giải : Phàm phu vì đeo bám lấy cái Thân nên vì nó mà tạo nghiệp, rồi sống, chết với nó. Người tu hành thì phải dùng*

pháp **BẤT TỊNH QUÁN** để hiểu rõ về nó để không yêu thích nó nữa. Muốn vậy thì phải quán sát nó. Rõ ràng bên ngoài nó có vẻ đẹp dễ, nhưng bên trong chứa những thứ bất tịnh, luôn tiềm ẩn bệnh hoạn. Thêm Tham, Sân, Si là bệnh của Tâm. Tất cả những thứ đó chỉ chực chờ để phá hại cái Thân. Cái Thân rất mong manh, chỉ cần một nghịch duyên là sẽ tan rã, không tồn tại lâu bền, cho nên nó là Vô Thường, lại bị lửa Tham Ái đốt, là chỗ chứa mấy vạn vi trùng, bị nhiều pháp, bị những nỗi Khổ ràng buộc Vì vậy không nên mến tiếc nó mà nên tìm cái Chân Tánh.

Người tu tuy không để cho Lục Căn sai khiến như lúc còn chưa tu, nhưng không theo những người tu Khổ Hạnh, hành hạ, đày đọa nó, bắt nó dầu dãi nắng mưa hay nhịn đói khát, ở ngoài rừng hay ở nghĩa địa. Phật dạy : “Nhân thân nan đắc”. Có được Thân người, được làm người không phải dễ. Trong Thân lại có được liệu quý là Phật Tánh. Người khéo tu hành thì sẽ Thấy. Vì vậy, người tu không lệ thuộc nó, nhưng giữ gìn nó, và dùng nó như thuyền bè, như phao để bơi qua sông sinh tử.

Người tu cần chăm sóc, giữ gìn cái Thân, vì nhờ nó mới có phương tiện để học hỏi, quán sát, tư duy, nghe pháp mới có thể tu hành đạt kết quả. Khi chưa tu hành thì nó là kẻ thù, vì Vô Minh nên tạo nghiệp để đọa vào các đường dữ. Nhưng khi tu hành thì nó là ân nhân, vì đưa người tu đến bến bờ Giải Thoát.

## VIII.- PHẨM BA LA MẬT ĐA.

Đức Di Lặc Bồ Tát bạch Phật : Bởi nhân duyên gì Phật ân cần khen ngợi sự tu hành của Bồ Tát ở nơi A Lan Nhã mà không khen ngợi sự tu hành của Bồ tát ở nơi khác ? Có một thời Đức Thế Tôn bảo : “Bồ Tát hoặc có khi ở nhà dâm nữ, thân cận với người đồ tể để chỉ dạy sự lợi ích vui vẻ cho họ. Dùng vô số phương tiện vì họ nói diệu pháp khiến cho họ nhập đạo. Xin Đức Thế Tôn vì người cầu Phật Đạo đời sau mà diễn nói những chân lý sâu xa màu nhiệm khiến hạnh Bồ tát của họ không bị thoái chuyển”.

Phật bảo : Người phát tâm cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác có hai hạng Bồ tát : Bồ Tát tại gia và Bồ Tát xuất gia. Bồ Tát tại gia vì muốn hóa đạo, phòng dâm, hàng thịt đều được thân cận. Bồ Tát xuất gia không như thế.

Bồ Tát ấy có chín bậc. Ba bậc thượng căn đều ở A Lan Nhã không gián đoạn tinh tiến, làm lợi ích chúng sanh. Các Bồ tát trung căn và hạ căn tùy chỗ nào hợp thì ở, không nhất định. Hoặc ở A Lan Nhã, hoặc nơi làng xóm, tùy duyên làm lợi ích chúng sanh.

Bồ Tát Di Lặc bạch Phật rằng : Bồ tát xuất gia không cất chứa của báu, nhân duyên gì mà viên mãn được Bồ Thí Ba La Mật ? Phật dạy : “Thức ăn xin được chia cho chúng sinh. Đem thân mệnh cúng dường Tam Bảo. Vì người khác nói

pháp xuất thế khiến họ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác gọi là Bồ Thí Ba La Mật.

Tu 12 Hạnh Đầu Đà, không làm tổn hại chúng sanh là Trì Giới Ba La Mật.

Kiên trì giữ Giới cấm, không tiếc thân mạng là thân cận Ba La Mật.

Diệt sự giận tức là Từ Tâm Tam Muội. Không hủy nhục chúng sinh là Nhẫn Nhục Ba La Mật. Vì người cầu pháp, thuyết pháp để họ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng chánh giác. Vì chúng sanh nên tu hạnh Tinh Tấn, lập nguyện Ba La Mật. Luôn quán sát chân tính của các pháp chẳng phải “CÓ” chẳng phải “KHÔNG” mà là diệu lý trung đạo. Đối với việc thế tục đều phân biệt rõ. Ở nơi A Lan Nhã phân biệt các Thiện, Ác, xa lìa tà kiến, không chán Sinh Tử. Không thích Niết Bàn. Đối với thân mệnh và của cải thường tu hạnh Đại xả. Vì người nhiều Tham Sân Si mà phân biệt diễn nói, dùng phương tiện điều phục họ, giáo hóa chúng sanh, đặt họ lên chốn an lạc

*Lược Giải : Bồ Tát tại gia hay xuất gia đều phải hành Lục Độ Ba La Mật, tức là cũng là Bồ Thí, Trì Giới, Tinh Tấn, Nhẫn Nhục, Thiền Định và Trí Huệ, nhưng tất cả đều hướng về mục đích Giải Thoát, gọi là Ba La Mật hay là qua bờ bên kia. Thí dụ như Bồ Thí như là để tích phước, Bồ thí mà chọn đối tượng để được phước báo trả lại nhiều hơn, thì đó chỉ là Bồ Thí đơn thuần, không phải là bồ Thí Ba La Mật. Vì nếu hành*

*để qua bờ giải thoát thì thuận túy là Thí, Xả, không cần phước báo trả lại. Cũng không nhằm mục đích tích lũy phước báo, hoặc Quả vị, cao thấp, hơn thua với bạn đồng tu, mà tất cả đều hướng về con đường Giải Thoát.*

## IX.- PHẨM CÔNG ĐỨC TRANG NGHIÊM.

Bồ Tát Di Lặc bạch Phật : Bạch Đức Thế Tôn. Như Phật nói ở nơi A Lan Nhã công đức thành tựu sẽ được thành Phật. Vậy Bồ Tát làm sao, và tu công đức gì mà có thể ở nơi A Lan Nhã ?

Phật dạy : Quán hết thấy căn nguyên phiền não là từ tự Tâm. Quán nhân của phiền não là từ Tâm sinh ra. Bao đời luân hồi trong sáu thú là đều do Vọng Tâm sinh ra. Nếu có người hỏi người nào mai sau sẽ thành Phật thì nên chỉ người ấy.

Có hai pháp ràng buộc người tu làm cho họ không chịu đứng ở nơi A Lan Nhã : Một là yêu thích đoạn kiến, tà pháp. Hai là yêu thích của báu, đồ vui. Có hai hạng nữa là : Đây đây sự kiêu mạn. Hai là người ghét giáo pháp Đại Thừa. Có hai hạng không nên ở A Lan Nhã : Một là hạng người tà kiến, không tin lời Phật. Hai là người tự thân phá Giới, sách dịch trì Giới.

Cần an trụ bốn Đức : Một là nghe giỏi, tóm giữ điều nghe được không quên. Hai là phân minh, hiểu biết rành rẽ nghĩa. Ba là chánh niệm, luôn không phóng dật. Bốn là tùy thuận, như giáo lý mà thực hành.

Bồ Tát xuất gia có Bốn Đức : Trang nghiêm tự thân, cầu Trí Huệ Phật là Đại Từ, Đại Bi, Đại Hỷ, Đại Xả. Bốn pháp như thế sinh ra hết thảy phúc đức, trí tuệ, đem lại lợi ích cho chúng sinh, chóng chứng pháp Đại Bồ Đề Vô Thượng.

Bồ Tát xuất gia có đủ bốn pháp thì không thoái chuyển : Một là Bồ Thí, hai là Ái ngữ. Ba là lợi hành. Bốn là Đồng sự. Bồ tát xuất gia có đủ bốn pháp, giữ Giới thanh tịnh, trang nghiêm tự thân. Một là quán sát tự thân không có bản tính để dẹp dứt chấp Ngã và Chấp Pháp, chứng lý vô Ngã. Hai là quán sát tha thân cũng không có bản tính để đối với kẻ oán, thân lìa bỏ được yêu, ghét. Ba là thân tâm khoáng lạc, để tâm và Tâm sở pháp không còn phân biệt. Bốn là được Bình Đẳng tánh trí để Sinh Tử và Niết bàn không có sai khác. Bồ tát và Phật tử tu Bốn Pháp này sẽ đi tới đạo Vô Thượng Chánh Đẳng chánh giác.

Bồ Tát lại có Bốn Nguyên : Một là thề độ hết thảy chúng sinh. Hai là thề đoạn hết thảy phiền não. Ba là thề học hết thảy Pháp Môn. Bốn là thề chứng hết thảy Phật Quả.

Bồ Tát xuất gia ở A Lan Nhã có được tám thứ thanh tịnh : Một là Thân Nghiệp thanh tịnh. Hai là Ngữ Nghiệp thanh tịnh. Ba là Ý nghiệp thanh tịnh. Bốn là chính tín thanh tịnh. Năm là Chánh Niệm thanh tịnh. Sáu là Đầu Đà thanh tịnh. Bảy là lìa xiểm nịnh thanh tịnh. Tám là một niệm không quên Tâm Bồ Đề thanh tịnh.

*Lược giải: Để được ở nơi A Lan Nhã thì Bồ Tát phải quán căn nguyên phiền não là do tự Tâm. Bao nhiêu đời Luân Hồi trong Lục đạo là cũng do Vọng Tâm sinh ra. Có người tuy tu hành nhưng vẫn kiêu mạn, tà kiến, không ưa Giáo Pháp Đại thừa, không giữ Giới. Người không nghe, không phân tích để hiểu Giáo Pháp thì cũng khó thực hành đến nơi đến chốn. Bồ Tát lại phải có Bốn Đức : Từ, Bi, Hỷ, Xả và Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành, Đồng sự, để thân cận chúng sinh. Có Bốn Nguyên phải đạt được. Phải có Thân Khẩu Ý Ba nghiệp thanh tịnh và không quên Bồ Đề Tâm .*

## X.- PHẠM QUÁN TÂM.

Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát xin Phật giải thích : Thế nào là TÂM ? Thế nào là ĐỊA ?

Phật đáp : “Pháp ấy là “Tối thắng bí mật Tâm Địa Pháp Môn” của Như Lai trong Mười Phương. Pháp ấy là “Đốn ngộ” của hết thảy phàm phu vào Như Lai địa. Pháp ấy là “Đường chính chân thật” của hết thảy Bồ Tát đi tới Đại Bồ Đề. Pháp ấy là “Bảo cung vi diệu” của Chư Phật ba đời, tự hưởng thụ pháp lạc. Pháp ấy là “Bảo tạng vô tận” trong hết thảy sự lợi ích chúng sinh. Pháp ấy hay dẫn các Bồ tát chúng đến nơi “Sắc cứu cánh tử tại trí”. Pháp ấy là chân thực đạo sư, hay dẫn hậu thân Bồ tát tới cây Bồ Đề. Pháp ấy như ngọc Ma Ni, hóa những của cải cho thế gian, xuất thế gian, làm cho chúng sinh mãn nguyện. Sinh ra nguồn gốc công đức của hết thảy

chư Phật trong mười phương ba đời. Hay làm tiêu tan các nghiệp quả Ác. Hay độ hết thầy chúng sinh bị sinh tử hiểm nạn. Hay ngừng sóng cồn Bể Khổ. Hay cứu chúng sinh khổ nào trong thầy cấp nạn. Làm khô kiệt bể Lão, Bệnh, Tử.. “

Thiện Nam tử ! **Trong ba cõi lấy “Tâm” làm chủ. Người quán được Tâm được giải thoát cứu cánh. Người không quán được Tâm ở mãi trong triền phược. Ví như muôn vật đều từ đất sinh. Tâm Pháp sinh ra Thiện, Ác, Năm thú ( Trời, Người, Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh), Bạc Hữu Học, bạc Vô Học, Bạc Độc Giác, bạc Bồ Tát cùng Như Lai trong thế gian và xuất thế gian. Bởi nhân duyên ấy, Ba Cõi duy Tâm. “Tâm” là “Địa” (đất). Hết thầy phàm phu thân cận bạn lành, nghe Pháp Tâm Địa, như Lý quán sát, như nói tu hành, mình làm, dạy người, khen ngợi cố gắng, đón mừng, an ủi. Những người như thế sẽ dứt được hai chương,(Lý chương, Sự chương), mau trọn muôn hạnh và chóng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.**

Ngài Văn Thù Sư Lợi bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn. Như Phật nói : Chỉ đem Tâm Pháp làm chủ ba cõi. Bản nguyên Tâm pháp không nhiễm bụi nhơ, tại sao lại nhiễm Tham, Sân, Si ? Đối với Pháp trong ba đời, gì cho là Tâm ? Tâm quá khứ đã diệt. Tâm vị lai chưa đến. Tâm hiện tại không trụ. Nội tính các pháp tìm không thể được. Ngoại tướng các pháp tìm không thể được. Trung gian của các pháp tìm không thể

được. Bản lai Tâm Pháp không có hình tướng, trụ xứ. Hết thấy Như Lai còn không thấy Tâm hướng là người khác thấy được Tâm Pháp ? Hết thấy Tâm pháp từ Vọng Tưởng sinh, bởi nhân duyên gì Phật lại nói “Ba Cõi duy Tâm” ?

Phật bảo. Đúng như thế. Thiện nam tử. Tôi sẽ phân tích “Bản tính không tịch của Tâm, Tâm Sở Pháp”, nay tôi dùng thí dụ để chứng minh.

Thiện nam tử. Tâm như huyền pháp, do biến kế chấp sinh, nên mọi món : Tướng, thụ, vui, khổ nơi Tâm sinh ra. Tâm như giòng nước chảy, niệm niệm sinh diệt; đối với đời trước, sau, không tạm dừng. Tâm như gió lớn, trong khoảng sát na qua mọi phương sở. Tâm như đèn lửa, mọi duyên hòa hợp sinh ra. Tâm như chớp sáng, chỉ khoảng chốc lát, chứ không dừng lâu. Tâm như hư không, như bị khách trần phiền não ngăn che. Tâm như con hầu, con vượn, nhảy nhót trên cây Ngũ dục không dừng. Tâm như thợ vẽ, vẽ ra mọi hình sắc thế gian. Tâm như kẻ tôi tớ, bị các phiền não sai khiến. Tâm như người đi một mình, không có người thứ hai. Tâm như quốc vương, khởi ra mọi sự, được tự tại. Tâm như oan gia, khiến thụ thân chịu khổ não. Tâm như bụi trần, bám vào tự thân sinh ra tạp uế. Tâm như ảnh tượng, đối với pháp Vô Thường chấp là Thường. Tâm như huyền mộng, đối với tướng Ngã, Pháp chấp làm Tâm ta. Tâm như Dạ Xoa, ăn mất mọi pháp công đức. Tâm như con ruồi xánh, ham đồ uế ác. Tâm như

kẻ sát nhân, hay hại thân mệnh. Tâm như kẻ dối địch, thường rình làm lỗi. Tâm như trộm, giặc, trộm mất công đức. ..

Tâm, Tâm sở pháp, không trong, không ngoài, cũng không trung gian đối với trong mọi pháp tìm không thể được. Quá khứ, hiện tại, vị lai cũng không thể tìm được. Siêu việt ba đời, chẳng phải Có, chẳng phải Không. Chúng sinh thường ôm ấp sự nhiễm trước từ vọng duyên hiện khởi. Duyên không có tự tính, vì Tâm tính không. Như thế, không Tính, không Sinh, không Diệt, không Lại, không Đi, không một, không khác, chẳng phải đoạn, chẳng phải thường, vốn không có nơi Sinh, không có nơi Diệt, cũng không phải viễn ly và chẳng phải nơi viễn ly.

Những Tâm như thế không khác với vô vi , và thể vô vi không khác với Tâm ấy. Thể của Tâm Pháp vốn không thể nói được, thời cái phi Tâm Pháp cũng không thể nói được. Sao vậy ? Nếu Vô Vi là Tâm tức là đoạn kiến. Nếu là Tâm pháp tức là Thường Kiến. Là hẵn hai tướng, không chấp trước hai bên. Ngộ được như thế gọi là “Chân Đế”, và người ngộ được Chân Đế ấy là Hiền Thánh.

*Lược giải : Phẩm này nói về sự quan trọng của Cái Tâm. Nó tuy vô hình, vô ảnh, nhưng là căn nguyên của mọi việc. Từ đọa vào ba đường ác, cho đến thành Thánh, thành Phật cũng do nó. Do đó, Kinh viết : Người Quán được Tâm thì mới đạt cứu cánh giải thoát. Người không quán được Tâm ở mãi trong triền phược. Vì nó làm ra tất cả : từ Ba cõi, cho đến Sáu*

*đường, bậc hữu học, vô học, bậc Độc Giác cùng Như Lai trong thế gian và xuất thế gian. Người tu cần thân cận bạn lành để được hướng dẫn rồi quán sát, thực hành thì mới chóng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.*

## XI.- PHẨM PHÁT BỒ ĐỀ TÂM

Lúc bấy giờ Phật bảo : Tôi đã vì chúng sinh nói về Tâm Địa rồi, nay tôi sẽ nói về Phát Bồ Đề Tâm Đại Đà La Ni cho chúng sinh phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mau viên mãn được diệu quả.

Thiện Nam tử. Trong các Tâm Pháp khởi ra mọi tà kiến. **Vì muốn dứt trừ sáu mươi hai kiến cùng mọi thứ tà kiến khác, nên tôi nói Tâm, Tâm sở pháp là KHÔNG.** Như thế, là các kiến kia, không còn chỗ nương tựa nữa. Ví như rừng rú xanh tốt kín mít, sư tử, voi trắng, hùm beo thú dữ lẫn ở trong đó nhả độc hại người. Lúc đó có bậc trí giả đem lửa đốt rừng, vì rừng trống, các thú dữ không còn. “Tâm” không, “Kiến” diệt cũng như thế.

Bởi nhân duyên gì lập ra nghĩ KHÔNG ấy ? **Vì muốn diệt phiền não từ Vọng Tâm sinh ra mà nói là KHÔNG.** NẾU CHẤP “Không lý” là cái “Hữu” cứu cánh thời ngay “Không Tính” cũng Không. Chấp “KHÔNG” thành bệnh cũng nên trừ bỏ. Sao vậy ?

**Nếu chấp nghĩa “KHÔNG” là cứu cánh, các pháp đều Không Nhân, không Quả, thời có khác gì với ngoại đạo ?** Trước đặt ra thuốc “KHÔNG” là để trừ bệnh “CÓ”. Chấp “CÓ”

thành bệnh thời chấp “KHÔNG” cũng thế. Nếu khởi ra “Hữu Kiến” còn hơn khởi ra “Không Kiến”. Có thuốc “KHÔNG” trị bệnh “CÓ”, chứ không có thuốc nào trị bệnh “KHÔNG” cả.

Thiện Nam tử. Bởi nhân duyên ấy, uống thuốc “KHÔNG” trừ tà kiến rồi, Tâm tự giác ngộ, phát ra Bồ Đề. Tâm giác ngộ ấy tức là Tâm Bồ Đề.

Phàm phu có hai Tâm. Một là Nhãn thức cho đến Ý thức.

Hai Tâm của Thánh Hiền là : Một là quán Chân Thực lý trí. Hai là quán Nhất thiết cảnh trí.

*Lược giải : Phẩm này giải thích về lý do Phật nói các Pháp là KHÔNG, là để dứt trừ những món Kiến Chấp và Tà Kiến.*

*Nhưng mục đích là để trừ Bệnh CHẤP CÓ. Nhưng nếu bỏ được CHẤP CÓ để sang CHẤP KHÔNG thì không khác với ngoại đạo. Do đó, người tu trừ được CHẤP CÓ rồi thì phải phát Bồ Đề Tâm.*

*Phàm phu chỉ có Nhãn thức và ý thức. Thánh Hiền thì Quán để có Chân thực lý trí và Nhất thiết cảnh trí. Nhờ thấy những điều chân thật nên mới rời bỏ được cảnh huyễn.*

### XIII.- PHẨM THÀNH PHẬT.

Phẩm này nói về người muốn sớm được công đức của Như Lai nên mặc ba mươi hai thứ áo giáp Đại Kim Cương của Bồ Tát mà tu diệu quán ấy thời quyết chứng được Pháp Thân thanh tịnh của Như Lai.

Một là mặc áo Đại Giáp Thụ Khổ. Ở trong vô lượng kiếp vì chúng sinh chịu khổ mà không chán Sinh Tử.

Hai là mặc áo giáp Đại Bất Xả : Thề độ vô lượng hữu tình cho đến con sâu, con kiến cũng không bỏ.

Ba là mặc áo giáp Đại Bí Mật : Giác ngộ chúng sinh trong giấc mộng dài sinh tử, an trí họ vào trong ba pháp bí mật.

Bốn là mặc áo giáp Đại Hộ Pháp : Ủng hộ Phật pháp trong mọi thời cũng như vang ứng tiếng.

Năm là mặc áo Kim Cương Đại Giáp : Diệt hẳn sự khởi lên hai kiến “Hữu”, “Vô” và hết thấy phiền não.

Sáu là mặc áo đại giáp năng xả : Dù đầu, mắt, tủy, óc, vợ, con, ngọc báu.. có người lại xin đều xả cả.

Bảy là mặc áo giáp Năng Thí : Hết thấy đồ vui mà trong nhà hưởng thụ, quyết không tham trước, đem cho tất cả.

Tám là mặc áo đại giáp Năng Trì : Hay giữ Tam tu tịnh Giới của Bồ Tát và không rời bỏ hạnh Đầu Đà.

Chín là mặc áo giáp Nhẫn Nhục : Gặp các duyên trái nghịch như hủy mạ, đánh đập vẫn không báo thù lại.

Mười là mặc áo đại giáp Hồi Tâm. Giáo hóa những bậc Duyên Giác, Thanh Văn khiến họ hồi tâm đi về Nhất thừa.

Mười một là mặc áo giáp Đại Tinh Tiến : Tinh tiến độ các hữu tình, ví như gió lớn ngày đêm không ngừng.

Mười hai là mặc áo đại giáp tu hành giải thoát Tam Muội, Thân, Tâm tịch tĩnh, miệng không phạm lỗi.

Mười ba là mặc áo đại giáp Bình Đẳng : làm lợi ích chúng sinh, coi sinh tử và Niết Bàn không có hai thiên kiến.

Mười bốn là mặc áo đại giáp Dĩ Lạc. Dem vô duyên Đại Từ làm lợi ích muôn loài, luôn luôn không chán bỏ.

Mười lăm là mặc áo giáp Nhổ Khổ :Dem vô ngại đại bi, cứu nhiếp hết thảy không có hạng lượng.

Mười sáu là mặc áo đại giáp Đại Hỷ : Đối với các chúng sinh không oán kết, luôn luôn làm việc lợi ích.

Mười bảy là mặc áo đại giáp Đại Xả : Tuy làm hạnh khổ, không sợ nhọc mệt, luôn luôn không thoái chuyển.

Mười tám là mặc áo đại giáp Không Chán : Chịu khổ thay cho chúng sinh.

Mười chín là mặc áo đại giáp Giải Thoát Năng Kiến : Sự xem trông rõ ràng như xem quả A Ma Lạc trong bàn tay, như thế là giải thoát được sự thấy.

Hai mươi là, mặc áo đại giáp Vô Trước. Thấy thân ngũ uẩn như bọt đồ tể, tổn hại việc thiện.

Hai mươi một là mặc áo đại giáp Yểm Xả (chán bỏ) : Thấy Mười hai nhập (Sáu Căn, Sáu Trần) như làng xóm trống, thường mang lòng sợ hãi.

Hai mươi hai là mặc áo giáp Đại Trí : Thấy Mười Tám Giới (Sáu căn, Sáu Trần, Sáu Thức) cũng như huyền hóa, không có chân thực.

Hai mươi ba là mặc áo giáp Đại Chứng Chân (Chứng Lý Chân Như) : Thấy hết thấy pháp đồng trong pháp giới, không có tướng sai khác.

Hai mươi bốn là mặc áo giáp Đại Xuất Thế : Che điều ác của người, không giấu lỗi ác của mình, chán bỏ ba cõi.

Hai mươi lăm là mặc áo đại giáp Hóa Độ : Như Đại Y Vương hợp bệnh mà cho thuốc. Bồ tát tùy nghi mà diễn hóa.

Hai mươi sáu là mặc áo đại giáp Quy Nhất (về một): Thấy chân thể của Tam Thừa vốn Không, không khác, cứu cánh đồng tâm quay về nơi một. (Một Chân Như Pháp giới hay một Nhất Thừa Phật Quả).

Hai mươi bảy là mặc áo đại giáp Độ Người : Nối Tam Bảo Chủng khiến không đoạn tuyệt, quay xe diệu pháp độ người.

Hai mươi tám là mặc áo đại giáp Tu Đạo : Phật đối với chúng sinh có ân đức lớn, vì muốn báo Ân Phật cần tu đạo.

Hai mươi chín là mặc áo đại giáp Vô Cấu (Không như) : Quán bản tính của hết thấy các pháp không tịch, không sinh, không diệt, không như.

Ba mươi là mặc áo đại giáp Vô Ngại : Ngộ Vô Sinh Nhẫn, được Đà La Ni, nhạo thuyết biện tài vô ngại.

Ba mươi một là mặc áo đại giáp Rộng Hóa Hữu Tình khiến họ được ngồi dưới cội cây Bồ Đề, chứng Phật Quả nhất vị.

Ba mươi hai là mặc áo đại giáp trong một sát na Tâm tương ứng với Bát Nhã, chứng ngộ đại pháp vô dư trong ba đời. Thế gọi là ba mươi hai thứ Kim Cương đại giáp của Bồ tát.

*Lược Giải : Muốn sớm được công đức của Như Lai, chứng được Pháp Thân thanh tịnh của Như Lai thì người tu phải thực hành 32 Hạnh kể trên. Trong đó vừa tu sửa bản thân, dẹp hết những tà kiến, chịu khổ thay cho chúng sinh, Thí, Xả, làm Lục Độ, Thân Tâm không nhiễm trần, Thân, Khẩu, Ý ba nghiệp thanh tịnh, không thoái chuyển, nói Tam Bảo không dứt diệt và giáo hóa chúng sinh để họ cũng được Giải Thoát.*

### XIII.- PHẨM CHÚC LUY

Phật phó chúc cho các Bồ Tát tuyên thuyết Kinh này để mang lại lợi ích cho tất cả chúng sinh. Các Bồ Tát vâng mệnh nhất tâm hoan hỷ tín thọ phụng hành.

Tóm lại : Tu Phật không phải là hy sinh cuộc đời để phụng sự cho Phật, kêu gọi nhiều người Xuất Gia, hay Quy Y cho đông, cất cho nhiều Chùa, đúc thật nhiều Tượng, để mở mang Đạo Phật, mà Tu Phật là để được Thoát Khổ, nghĩa khác là Giải Thoát hay Thành Phật.

Muốn được Giải Thoát thì phải biết điều gì đã ràng buộc. Nhưng con người không thể nào hiểu được điều đó, vì thế, người muốn tu học cần nương vào những quyển Chính Kinh của Chư Tổ để lại, để đọc, tìm hiểu rồi thực hành theo đó, gọi là “Thọ, trì, đọc, tụng, giải nói, biên chép, y pháp tu hành”, thì cũng sẽ đến nơi mà người đi trước đã đến.

Sở dĩ Đạo Phật có mặt ở trần gian là vì Đức Thích Ca thấy rằng cuộc sống con người quá ngắn ngủi mà phải chịu quá nhiều nỗi Khổ. Nhưng không phải chỉ chịu một kiếp là xong, vì bản tính con người là trường tồn. Nhưng do Vô Minh mà con người yêu thích Cái Thân, cầm cúi làm việc, đôi khi sẵn sàng tạo Nghiệp để cung phụng cho nó, không biết nó Vô Thường, không thật, không bền, dù có cung phụng, chiều chuộng cỡ nào rồi nó cũng sẽ bỏ ta mà đi. Để rồi, khi cái Thân hiện kiếp hết duyên, hết nghiệp mà chết đi, trả về cho Tứ Đại thì lại phải nhận một cái Thân khác trong Ba Cõi, Sáu đường (Địa Ngục, Ngạ quỷ, Súc Sanh, Nhân, Thiên, A Tu La) tùy theo Nghiệp đã tạo, để Trả những gì đã gieo.

Muốn sửa đổi thì phải biết nguyên do . Quán sát Thân, Tâm, Pháp, bằng cách dùng những thì giờ tĩnh lặng trong lúc Thiền Định để tư duy, gọi là Thiền Minh Sát (Vipassana), để hiểu rõ về nó để không còn yêu thích nó nữa, mà dùng nó làm phương tiện để bơi qua bể Sinh Tử.

Đạo Phật xuất hiện là để giáo hóa cho con người, chỉ cho con người hiểu rõ để đừng Mê Làm nữa, bằng những phương tiện, hoặc hứa hẹn Quả Vị, Niết Bàn, Cõi Phật, hoặc nói về cái đọa của Ba đường dưới, để con người nếu chưa ý thức để giải thoát được thì cũng Cải Ác, hành Thiện để cuộc sống hiện đời được hạnh phúc, an vui. Kiếp sau nếu có, càng tốt đẹp hơn.

Quán sát, Tư Duy về cái Thân, để thấy rằng nó chỉ là Thân Nghiệp, vay mượn của Tứ Đại. để Trả những Nghiệp cũ đã gieo. Hết duyên, hết Nghiệp thì trả về cho Tứ Đại. Do đó, nó không phải là MÌNH. Đã vậy, nó lại không bền chắc, luôn bị mưa, nắng, gió độc, trùng độc, thú dữ tấn công. Trong Thân lại sẵn những mầm bệnh, chờ đủ duyên là phát tác để làm cho suy yếu. Trong Tâm thì lúc nào Tham Sân, Si, ngũ dục cũng chỉ chờ cơ hội là dẫn dắt cái Thân đi vào đường bất chính, làm nguyên nhân để bị đọa.

Quán sát cái Tâm để thấy nó dựa vào cái Thân để đánh giá mọi việc rồi đưa ra hành động. Do đó, nó không phải là cái Chân Tâm, mà là cái Tâm Mê Lầm hay còn gọi là Vọng Tâm. Khi hiểu rõ về Thân, Tâm, hành giả sẽ không còn chấp nó nữa, mà thực hành những Pháp tốt đẹp của Đạo Phật, là Giới, Bát Chánh Đạo, là Từ, Bi, Hỷ Xả, đối tốt với mọi người. Đền Tứ Ân với Cha mẹ, đất nước, Phật, Thầy, chúng sinh để hoàn thành sứ mạng của một con người.

Thấy rõ mọi thứ để chuyển Mê thành Ngộ. Biến Vọng thành Chân. Không còn nghĩ ác, hành ác thì Thân Tâm sẽ được an lạc, kiếp sống không còn bị khổ đau vùi dập nữa mà được hạnh phúc, an vui, gọi là Hữu Dư Y Niết Bàn. Đó là mục đích của Đạo Phật mà cũng là mục đích của Kinh TÂM ĐỊA QUÁN, Chư Vị Giác Ngộ muốn người đọc tìm hiểu, thực hành để đạt kết quả Thoát Khổ vậy. -./.

